

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - tỉnh Đồng Tháp.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **khv 12 - Đồng Tháp** tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2025, tại trụ sở **Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp (điểm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cũ)**, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2025 về việc *ly hôn, tranh chấp về nuôi con* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh ngày 05/12/1988. Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp). *Có đơn xin vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp). *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị K và anh T tự tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 04/02/2009. Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Như Q, sinh ngày 03/3/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc, thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, không hợp nhau,

vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không chia sẻ cuộc sống cho nhau, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, trong thời gian ly thân các bên không hàn gắn với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn trầm trọng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T.
- Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Như Q, sinh ngày 03/3/2010, không yêu cầu cấp dưỡng.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị K được ly hôn với anh T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, cho chị K được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 03/3/2010. Về cấp dưỡng: Chưa có yêu cầu nên chưa xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết, nên Kiểm sát viên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của **Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp)**, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn T là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 04/02/2009, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm sống, không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, dẫn đến ly thân từ cuối năm 2024. Trong thời gian ly thân, hai bên không hàn gắn được tình cảm. Chị K xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T để tiến hành hòa giải và xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, thể hiện sự thiếu thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

“Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

...”

[4] Về con chung: Chị K và anh T có một con chung là cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 03/3/2010. Hiện cháu Q đang sống ổn định với chị K và có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ. Anh T không có yêu cầu nuôi con, do đó, chấp nhận giao cháu Q cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có văn bản ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K. Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về việc nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K. Chị Nguyễn Thị K được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Thị Như Q, sinh ngày 03/3/2010.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014628 ngày 04 tháng 3 năm 2025 của **Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 - Đồng Tháp).**

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Bình